

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	436.776.478.919	606.530.579.098
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		436.776.478.919	606.530.579.098
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	381.170.078.965	549.040.953.078
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.606.399.954	57.489.626.020
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	200.773.535	276.340.664
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	748.211.524	1.147.524.826
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		729.083.225	1.139.780.098
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8a	34.142.857.176	34.051.278.374
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8b	7.492.845.478	9.364.404.714
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.423.259.311	13.202.758.770
11. Thu nhập khác	31	VI.6	16	278
12. Chi phí khác	32	VI.7	23.096.474	10.268.379
13. Lợi nhuận khác	40		(23.096.458)	(10.268.101)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.400.162.853	13.192.490.669
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.757.380.094	2.640.551.810
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.642.782.759	10.551.938.859



TP.HCM, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Lệ Huyền

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lê Thị Kim Dung

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hà Quốc Cường